

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/KDTM-ST

Ngày: 02-02-2021

V/v: Tranh chấp hợp đồng mua
bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đình Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thảo;

2. Bà Lê Thị Hồng Gấm.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Thị Thuyền, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Kiên, Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 63/2020/TLST-KDTM ngày 24/11/2020 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2020/QĐXXST-KDTM ngày 29 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH C; địa chỉ: Lô A-5E-CN, khu công nghiệp M, phường T, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Bùi An B, sinh năm 1981; địa chỉ: Số 64/16, khu phố T, phường V, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, là người đại diện ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 13/11/2020. Có mặt

Bị đơn: Công ty TNHH J; địa chỉ: Khu phố Bình Hòa 1, phường phường Tân Phước Khánh, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Kim D_chức danh: Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/11/2020, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, ông Nguyễn Bùi An Bình thống nhất trình bày:

Ngày 02/7/2019, Công ty TNHH C (gọi tắt là Công ty C) và Công ty TNHH J (gọi tắt là Công ty J) ký kết Hợp đồng nguyên tắc số 020719/CK-HĐMB. Quá trình thực hiện hợp đồng hai bên có giao dịch mua bán hàng hóa với tổng giá trị 610.398.547 đồng (bao gồm VAT) theo các Hóa đơn giá trị gia tăng, gồm:

- Hóa đơn số 0006698 ngày 03/7/2019 với số tiền 40.756.003 đồng;
- Hóa đơn số 0006712 ngày 04/7/2019 với số tiền 22.494.714 đồng;
- Hóa đơn số 0006872 ngày 15/7/2019 với số tiền 3.025.440 đồng;
- Hóa đơn số 0006876 ngày 16/7/2019 với số tiền 26.620.880 đồng;
- Hóa đơn số 0006886 ngày 16/7/2019 với số tiền 6.274.224 đồng;
- Hóa đơn số 0006925 ngày 19/7/2019 với số tiền 1.267.200 đồng;
- Hóa đơn số 0006934 ngày 20/7/2019 với số tiền 9.076.320 đồng;
- Hóa đơn số 0006973 ngày 24/7/2019 với số tiền 7.524.726 đồng;
- Hóa đơn số 0007013 ngày 27/7/2019 với số tiền 2337.126 đồng;
- Hóa đơn số 0007139 ngày 06/8/2019 với số tiền 67.270.500 đồng;
- Hóa đơn số 0007167 ngày 08/8/2019 với số tiền 22.322.433 đồng;
- Hóa đơn số 0007234 ngày 13/8/2019 với số tiền 12.567.126 đồng;
- Hóa đơn số 0007312 ngày 20/8/2019 với số tiền 30.521.238 đồng;
- Hóa đơn số 0007367 ngày 24/8/2019 với số tiền 11.011.000 đồng;
- Hóa đơn số 0007566 ngày 12/9/2019 với số tiền 63.874.387 đồng;
- Hóa đơn số 0007716 ngày 24/9/2019 với số tiền 51.318.850 đồng;
- Hóa đơn số 0000077 ngày 23/10/2019 với số tiền 1.670.130 đồng;
- Hóa đơn số 0000172 ngày 31/10/2019 với số tiền 3.340.260 đồng;
- Hóa đơn số 0000317 ngày 09/11/2019 với số tiền 8.527.530 đồng;
- Hóa đơn số 0000378 ngày 14/11/2019 với số tiền 12.143.340 đồng;
- Hóa đơn số 0000487 ngày 22/11/2019 với số tiền 746.994 đồng;
- Hóa đơn số 0000626 ngày 03/12/2019 với số tiền 16.802.404 đồng;
- Hóa đơn số 0000627 ngày 03/12/2019 với số tiền 93.516.786 đồng;
- Hóa đơn số 0000987 ngày 31/12/2019 với số tiền 845.762 đồng;
- Hóa đơn số 0001015 ngày 03/01/2020 với số tiền 51.078.148 đồng;
- Hóa đơn số 0001016 ngày 03/01/2020 với số tiền 26.883.846 đồng;
- Hóa đơn số 0001017 ngày 03/01/2020 với số tiền 16.581.180 đồng.

Theo thỏa thuận thì vào cuối mỗi tháng bên Công ty Chokwang sẽ tổng kết công nợ báo cho bên Công ty JK, bên Công ty JK sẽ thanh toán cho bên Công ty Chokwang trong vòng 60 ngày bằng hình thức chuyển khoản. Tuy nhiên đến nay Công ty JK vẫn chưa thanh toán khoản nào cho Công ty Chokwang. Do đó Công ty Chokwang yêu cầu buộc Công ty JK phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản nợ 610.398.547 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Chứng cứ nguyên đơn giao nộp gồm: Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Chokwang, Bản sao Hợp đồng nguyên tắc số 020719/CK-HĐMB, Bản sao các Hóa đơn giá trị gia tăng và phiếu giao hàng kèm theo.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Giấy triệu tập tham gia phiên họp, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng người đại diện hợp pháp của bị đơn không đến Tòa án tham gia tố tụng cũng không có văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa sơ thẩm như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định, bị đơn không chấp hành triệu tập của Tòa án là tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng.

Về nội dung: Nguyên đơn khởi kiện là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết:

Các đương sự đều có tư cách pháp nhân, tranh chấp với nhau hợp đồng mua bán hàng hóa phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại và đều có mục đích lợi nhuận. Bị đơn có trụ sở chính tại thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Các đương sự không có thỏa thuận giải quyết tranh chấp bằng cơ quan, tổ chức khác. Do đó, tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về kinh doanh, thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn:

Qua xác minh ngày 04/12/2020 tại Ủy ban nhân dân phường Tân Phước Khánh, thị xã Tân Uyên xác định Công ty JK có thuê trụ sở hoạt động tại phường Tân Phước Khánh nhưng tại thời điểm xác minh Công ty JK đã ngừng hoạt động. Tại Công văn số 29642/CT-TTKT5 ngày 30/12/2020 của Cục thuế tỉnh Bình Dương xác định mã số thuế của Công ty JK đã bị đóng từ ngày 07/12/2020 do người nộp thuế đã không hoạt động tại địa chỉ đăng ký. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 30/9/2012 của Công ty JK người đại diện theo pháp luật của công ty khai nơi ở tại Phòng 304, tầng 3, tòa nhà Sài

Gòn Paragon, số 3 Nguyễn Lương Bằng, phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên qua xác minh tại Công an phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xác định địa chỉ trên là thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Kim Cương hiện tại đang cho Công ty TNHH LAUD JVC thuê kinh doanh, cá nhân ông Kim Daekyu hay Công ty JK chưa từng thuê địa chỉ trên của Công ty Cổ phần Kim Cương. Việc Công ty JK ngừng hoạt động không thông báo cho cơ quan có thẩm quyền đồng thời khai báo địa chỉ cư trú không trung thực, cho thấy Người đại diện theo pháp luật của Công ty JK cố tình giấu địa chỉ, Tòa án không thể làm việc được cũng như không tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho người đại diện theo pháp luật của Công ty JK. Do đó quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định. Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của bị đơn tiếp tục vắng mặt mặc dù đã được triệu tập đến lần thứ hai. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, lý do khởi kiện, căn cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền hàng chưa thanh toán là 610.398.547 đồng, không yêu cầu tính lãi chậm thanh toán. Chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là có căn cứ, nguyên đơn cung cấp Hợp đồng mua bán kèm 27 Hóa đơn giá trị gia tăng, phiếu xuất kho. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đối chiếu chủng loại hàng hóa, số lượng, đơn giá ghi trên Hợp đồng mua bán, các Hóa đơn giá trị gia tăng, phiếu xuất kho do nguyên đơn cung cấp là trùng khớp với nhau. Nguyên đơn cho rằng bị đơn chưa thanh toán giá trị tiền hàng của 27 Hóa đơn trên nên có quyền khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán.

[4] Về ý kiến của bị đơn trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị đơn không đến Tòa án tham gia tố tụng là đã tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ tố tụng được pháp luật quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Không trực tiếp tham gia tố tụng, bị đơn cũng không gửi văn bản nêu ý kiến của mình trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp các tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn dù biết rõ nếu yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của mình. Điều này cho thấy bị đơn có ý thức không quan tâm và bỏ mặc cho hậu quả pháp lý có thể xảy ra.

[5] Căn cứ chấp nhận, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp xác định giữa Công ty Chokwang và Công ty JK có quan hệ mua bán hàng hóa và tổng giá trị của hàng hóa là 610.398.547 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Công ty JK không phản đối tài liệu, chứng cứ và yêu cầu khởi của nguyên đơn Công ty Chokwang. Mặt khác tại Điều III (Hình thức thanh toán) của Hợp đồng nguyên tắc số 020719/CK-HĐMB ngày 02/7/2019 các bên thỏa thuận: Bên Công ty JK sẽ thanh toán cho bên Công ty Chokwang trong vòng 60 ngày sau khi nhận hàng bằng hình thức chuyển khoản vào số tài khoản của Công ty Chokwang

0281001369248. Qua đối chiếu với sao kê tài khoản 0281001369248 của Công ty Chokwang do Ngân hàng Ngoại thương Chi nhánh Bắc Bình Dương cung cấp thì từ ngày 02/7/2019 đến ngày 28/01/2021 không có khoản thanh toán nào của Công ty JK cho Công ty Chokwang. Theo quy định tại Điều 50 của Luật Thương mại thì bị đơn Công ty JK phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn Công ty Chokwang.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp.

[7] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 233, Điều 227, Điều 228, Điều 257, Điều 266, Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 24, Điều 50, 306 của Luật Thương mại;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH C về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa với bị đơn Công ty TNHH J.

Buộc Công ty TNHH J có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH C số tiền mua hàng hóa là 610.398.547 đồng (Sáu trăm mười triệu ba trăm chín mươi tám nghìn năm trăm bốn mươi bảy đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí sơ thẩm:

Buộc Công ty TNHH J phải chịu 28.416.000 đồng (Hai mươi tám triệu bốn trăm mười sáu nghìn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trả lại cho Công ty TNHH C 14.200.000 đồng (Mười bốn triệu hai trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0051965 ngày 20/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án

trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Tân Uyên;
- Chi cục THADS thị xã Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Đình Hưởng